UBND PHƯỜNG ĐÔNG GIA NGHĨA
TRƯỜNG TH. NGUYỄN VIẾT XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 27/BC-NVX

Đông Gia Nghĩa, ngày 15 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học: 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VIẾT XUÂN

2. Địa chỉ:

- Đại chỉ: Bon Phai Kol Pru Đăng, Phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.
- Email: nguyenvietxuan.gianghia.daknong@gmail.com
- Cổng thông tin điện tử: http://c1nguyenvietxuan.pgdgianghia.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục

- Loại hình: Công lập
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân Phường Đông Gia Nghĩa
- Nhiệm vụ: Giáo dục tiểu học

4. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi

*** Sứ mệnh:** Xây dựng nhà trường có một môi trường học tập an toàn, thân thiện, học sinh tích cực, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng và hiệu quả giáo dục cao để mỗi học sinh đều được phát triển một cách toàn diện.

*** Tầm nhìn:** Xây dựng nhà trường có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, đáp ứng mọi điều kiện dạy và học trong giai đoạn mới. Nhà trường có môi trường giáo dục đáng tin cậy, chất lượng; giáo viên và học sinh luôn tự tin, năng động và luôn có khát vọng vươn lên. Phấn đấu xây dựng trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và giữ vững danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc.

Phấn đấu xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có tay nghề ngày càng cao, có tâm và lòng nhiệt thành đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Học sinh có kiến thức, có kỹ năng sống, có ý chí vươn lên phát triển toàn diện.

*** Giá trị cốt lõi:** Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; lấy yêu thương làm nền tảng trong các mối quan hệ giáo dục, lấy sự tôn trọng làm nguyên tắc ứng xử giữa cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh. Mỗi học sinh được quan tâm, bảo vệ, lắng nghe và tạo điều kiện phát huy năng lực, phẩm chất; mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên nêu cao tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tận tâm, góp phần xây dựng nhà trường kỷ cương, hạnh phúc và phát triển bền vững.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân được thành lập theo Quyết định số 431/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Nông (nay là thành phố Gia Nghĩa), tỉnh Đắk Nông, trên cơ sở chia tách từ trường PTCS Nguyễn Viết Xuân. Trường có 02 điểm trường. Địa điểm trường chính: Tại bon Phai Kol Pru Đăng, xã Đắk Nia, diện tích đất 9.322 m^2 ; điểm lẻ tại thôn Đồng Tiến, xã Đắk Nia, diện tích đất 5.575 m^2;, từ năm học 2021-2022 điểm trường này không còn tổ chức dạy học, lý do: số học sinh tuyển sinh đầu vào tại điểm trường này những năm gần đây quá ít, không đủ số lượng mở lớp; nhu cầu, nguyện vọng của phụ huynh muốn cho con em về học tập tại điểm trường chính đảm bảo các điều kiện hoạt động hơn; nhằm ổn định tập trung học sinh và giảm bớt biên chế giáo viên cho nhà trường và địa phương trong điều kiện toàn ngành còn thiếu giáo viên. Điểm này có 03 phòng học cấp 4 được xây dựng năm 2000, nay đã xuống cấp; 01 nhà vệ sinh học sinh xây dựng năm 2013 đã xuống cấp; 01 giếng khoan, bồn nước xây dựng năm 2016; chưa có hệ thống hàng rào, cổng trường. Được sự đồng ý và hướng dẫn của Phòng Kinh tế hạ tầng phường Đông Gia Nghĩa, phân hiệu đã được bàn giao cho Tổ dân phố Đồng Tiến – Phường Đông Gia Nghĩa – Tỉnh Lâm Đồng từ ngày 2/12/2025 để quản lý và sử dụng.

Nhà trường luôn đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy, học nâng cao chất lượng học sinh, là địa chỉ tin cậy của cha mẹ học sinh và cộng đồng nhân dân trên địa bàn. Trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, theo quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông; được đánh giá và công nhận lại trường chuẩn quốc gia mức độ 1, theo quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Năm học 2025-2026 nhà trường có 21 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhiệt tình, có tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao với mọi công việc được giao, năng lực chuyên môn vững, tận tuy, hết lòng vì học sinh, yên tâm với nghề và thực sự yêu nghề, mến trẻ. CB, GV, NV đều có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, đây là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục. Tổng số học sinh năm học 2025-2026 là 364 em, được bố trí 10 lớp học từ lớp 1 đến lớp 5, mỗi khối 02 lớp.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Họ và tên: Trần Thị Hải Yến

Chức vụ: Hiệu trưởng, Địa chỉ làm việc: Bol Phai Kol Pru Đăng, Phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại: 0919 064 768

Thư điện tử: haiyenthanglong@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân được thành lập Quyết định số 431/QĐ-UB ngày 27 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Nông (nay là thành phố Gia Nghĩa), tỉnh Đắk Nông, trên cơ sở chia tách từ trường PTCS Nguyễn Viết Xuân.

b) Hội đồng trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân được thành lập theo Quyết định số 2547/QĐ-UBND, ngày 06/11/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Gia

Nghĩa có 11 thành viên (gồm 01 Chủ tịch, 01 Thư ký và 09 Uỷ viên). Cụ thể:

Thứ tự	Họ và tên	Chức vụ hiện tại	Nhiệm vụ HĐT
1	Nguyễn Bá Tuấn	Bí thư chi bộ-Hiệu trưởng	CTHĐ
2	Trần Thị Hải Yến	Phó BT Chi bộ - P. Hiệu trưởng - CT Công đoàn	Phó CTHĐ
3	Lê Thị Hà	Giáo viên- Thư ký NT	TKHĐ
4	Nguyễn Thị Như Quỳnh	BT Chi đoàn	Thành viên
5	H' Thân Hương	GV- TPT Đội	Thành viên
6	Nguyễn Thị Hà	GV-PCT Công đoàn	Thành viên
7	Nguyễn Thị Hoan	Tổ trưởng CM	Thành viên
8	Nguyễn Thị Thúy Nga	Tổ trưởng CM	Thành viên
9	Võ Thị Thuyết	Tổ trưởng VP	Thành viên
10	Nguyễn Thái Ban	Phó CT UBND xã Đăk Nia	Thành viên
11	H' Thanh Kễn	Trưởng Ban đại diện CMHS trường	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Đồng chí Trần Thị Hải Yến được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân theo Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của UBND phường Đông Gia Nghĩa;

- Đồng chí Đinh Hải Đoàn được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân theo Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của UBND phường Đông Gia Nghĩa;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ

+ Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ trường tiểu học và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Nhà trường thực hiện quản lý, điều hành các hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu, vai trò chủ động của các bộ phận và quyền tham gia của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong các hoạt động của nhà trường.

Các hoạt động của nhà trường được triển khai theo kế hoạch năm học, quy chế làm việc và các quy định nội bộ đã ban hành; bảo đảm sự phối hợp thống nhất giữa các bộ phận, thực hiện đúng thẩm quyền, trách nhiệm và chế độ thông tin, báo cáo. Nhà trường thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch, duy trì nền nếp, kỷ cương trong hoạt động quản lý và giáo dục; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, kịp thời rà soát, điều chỉnh các quy định nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế.

Việc tổ chức và hoạt động của nhà trường hướng đến xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, dân chủ, kỷ cương và trách nhiệm; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, chất lượng giáo dục và tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên, nhân viên hoàn thành nhiệm vụ được giao.

+ Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường: Theo Điều 3 Điều lệ Trường tiểu học: Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học. Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật. Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương. Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương. Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

+ Cơ cấu tổ chức của trường: Thực hiện theo Điều 9- Điều lệ trường tiểu học Cơ cấu tổ chức trường tiểu học gồm: hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học sinh

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

+ Hiệu trưởng:

- Họ và tên: Trần Thị Hải Yến, Địa chỉ làm việc: Bon Phai Kol Pru Đăng, Phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại: 0919064768
- Thư điện tử: haiyenthanglong@gmail.com

+ Phó Hiệu trưởng:

- Họ và tên: Đinh Hải Đoàn, Địa chỉ làm việc: Bon Phai Kol Pru Đăng, Phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại: 0815556868
- Thư điện tử: dinhhaidoan@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Kế hoạch Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục.
- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục.
- Các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác được công khai đầy đủ, đúng quy định.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm năm học 2025-2026 và trình độ được đào tạo: 21 người

Trình độ CM	Tổng số	Dân tộc	Đảng viên			CBQL	Giáo viên			Nhân viên		
			Tổng số	Nữ	dân tộc		Tổng số	Biên chế	Hợp đồng	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng
Th.s	1	0	1	0	0	1						
ĐH	20	1	16	16	1	1	15	15	0	3	3	0
CĐ	0											
TC	0											
Khác	1	0	0	0		0	0			1	0	1
Tổng	**21**	**1**	**17**	**16**	**1**	**2**	**15**	**15**	**1**	**3**	**2**	**1**

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định 17/17 người (100%).

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 100% đội ngũ.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Diện tích đất trường chính là 9.322 m^2 ; diện tích xây dựng: 1.422 m^2; diện tích sân chơi, bãi tập: 4000m2; Bình quân: trên 25m2 /HS. Đảm bảo yêu cầu theo quy định.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

+ Khối phòng học và phục vụ học tập: có 16 phòng, trong đó, 08 phòng kiên cố và 08 phòng bán kiến cố. Được bố trí 10 phòng học văn hóa/10 lớp; 04 phòng học bộ môn; 02 phòng phục vụ học tập khác (thư viện, phòng phục vụ khác).

+ Khối phòng hành chính, phòng chức năng khác: có 11 phòng. Trong đó, nhà Hiệu bộ có 06 phòng, gồm 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng họp Hội đồng, 01 Văn phòng, 01 phòng y tế, 01 phòng thiết bị; số còn lại 05 phòng gồm 01 phòng truyền thống và hoạt động Đội, 01 phòng bảo vệ, 03 phòng phục vụ công tác bán trú và phục vụ hỗ trợ khác.

+ Các công trình xây dựng khác và các trang thiết bị máy móc, bàn ghế cơ bản đủ để bố trí cho việc tổ chức dạy học.

+ Khu sân chơi, thể dục thể thao: khoảng 2000 m2

+ Hạ tầng kỹ thuật: đảm bảo so với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hiện tại, trường có 03 máy tính để bàn cho bộ phận hành chính, 01 máy tính lap top, 20 máy tính học sinh. Tất cả máy tính được kết nối Internet đảm bảo nhu cầu phục vụ công tác quản lý và phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập. Nhà trường chưa đảm bảo các loại thiết bị giáo dục theo danh mục tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Mỗi giáo viên có một bộ thiết bị cần thiết trong quá trình giảng dạy, một bộ sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn giảng dạy và các tài liệu cần thiết khác. Mỗi học sinh có ít nhất một bộ sách giáo khoa, các đồ dùng học tập.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Danh mục sách giáo khoa thực hiện theo danh mục đã được cấp thẩm quyền phê duyệt được công khai trên trang Website.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia Trong 5 năm gần đây, nhà trường thực hiện đánh giá ngoài về kiểm định chất lượng giáo dục Đạt mức 2 kiểm định chất lượng và đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1.

V. THÔNG TIN VỀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA NĂM HỌC.

1. Kế hoạch tuyển sinh:

a. Đối tượng:

- Huy động 100% trẻ 6 tuổi (sinh năm 2019) đang cơ trú trên địa bàn thuộc địa bàn tuyển sinh đã được UBND thành phố Gia Nghĩa phân tuyến tuyển sinh năm học 2025– 2026.

b. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Chỉ tiêu 65 học sinh.

c. Thời gian tuyển sinh

- Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 15/7/2025 nhà trường tiếp nhận hồ sơ (trừ ngày thứ bảy và chủ nhật).

- Ngày 31/7/2025: Công bố kết quả tuyển sinh.

d. Địa bàn tuyển sinh:

- Trẻ đang cư trú trên địa bàn tuyển sinh theo vùng tuyển sinh sau:

- Địa bàn tuyển sinh: Ưu tiên tuyển sinh học sinh tại các Tổ dân phố: Nghĩa Hoà, Đồng Tiến, Phai Kol Pru Đăng; một phần TDP Nghĩa Thuận, Cây Xoài và học sinh ở các địa bàn khác (nếu chưa đủ chỉ tiêu).

e. Kết quả tuyển sinh:

Kết quả tuyển sinh: 76 em

2. Kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục của cơ sở:

- Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân đã ban hành kế hoạch giáo dục số 01/KH- ngày 30/8/2025, đã công khai trên hệ thống thông tin của đơn vị.

*** Kết quả một số phong trào thi đua và hoạt động của cán bộ, giáo viên, nhân viên**

+ Giáo viên dạy giỏi cấp trường: 15/15 giáo viên (100 %).

+ GV TPT Đội được tặng giấy khen Đạt thành tích XS trong công tác Đội và phong trào Thiếu nhi Tỉnh Lâm Đồng gia đoạn 2021-2026.

+ Tham gia sáng kiến kinh nghiệm các cấp: 12 cán bộ, giáo viên/ 07 sáng kiến.

Ngoài ra, cán bộ giáo viên còn tham phong trào thi đua xây dựng trường học Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn do nhà trường phát động; tham gia thi các trò chơi dân gian và phong trào dân vũ Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đông Gia Nghĩa tổ chức.

* Kết quả hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể nhà trường.

- Kết quả đánh giá chi bộ năm 2025 Hoàn thành tốt nhiệm vụ, chi bộ 4 tốt.

- Liên đội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

* Kết quả khen thưởng trong năm học 2025 - 2026.

+ 20 đồng chí đề nghị danh hiệu Lao động tiên tiến.

+ 10 đ/c đề nghị Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở,

- Tập thể đề nghị: Tập thể Lao động tiên tiến.

*** Kết quả một số phong trào thi đua và hoạt động khác của học sinh:**

- Tham gia các cuộc thi qua mạng Internet. Kết quả đạt:

+ Cấp Quốc gia đạt: 2 giải Khuyến khích, 23 em Hoàn thành vòng thi cấp Quốc gia;

+ Cấp Tỉnh: 10 em đạt giải và 6 em Hoàn thành vòng thi cấp Tỉnh;

+ Cấp Cụm trường: 2 em đạt giải.

- Tham gia Hội thi vẽ tranh thiếu nhi tỉnh Lâm Đồng năm 2025 Chủ đề: "Thiếu nhi Lâm Đồng nối vòng tay lớn" và "Đoàn trong mắt em" do trung tâm hoạt động Thanh thanh thiếu nhi tổ chức đạt 2 giải Khuyến khích, 2 giải Ba, 1 giải Nhì.

- Đạt giải Nhì hội thi Giao lưu và múa hát sân trường cấp Tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng, các tổ chức đoàn thể, Liên Đội, các lớp và phụ huynh học sinh tổ chức nhiều phong trào, hoạt động vui chơi lành mạnh, có ý nghĩa như: Ngày hội mừng xuân Bính Ngọ năm 2026; Ngày hội thiếu nhi vui khỏe, các hoạt động sinh hoạt tập thể, sinh hoạt ngoại khóa theo chủ điểm nhằm tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho học sinh; tuyên truyền giáo dục về An toàn giao thông, ý thức chấp hành Luật giao thông đường bộ; tuyên truyền phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước, bạo tực học đường, xâm hại trẻ em,…

- Tổ chức tốt các hội thi cấp trường tổ chức như: Trang trí lớp học Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn; Thi Viết chữ đẹp, Thi vẽ tranh trên ghế đá, thi Lớp Giữ vở sạch - Viết chữ đẹp,…

2. Số lượng học sinh toàn trường cuối năm học:

Tên lớp	SL	SL Nữ	Tỉ lệ(%)	Dân Tộc	Tỉ lệ(%)	Nữ Dân tộc	Tỉ lệ(%)
1A1	40	17	42.50	12	30.00	3	7.50
1A2	37	21	56.76	5	13.51	2	5.41
Cộng Khối 1	**77**	**38**	**49.35**	**17**	**22.08**	**5**	**6.49**
2A1	37	20	54.05	12	32.43	7	18.92
2A2	30	7	23.33	5	16.67	0	0.00
Cộng Khối 2	**67**	**27**	**40.30**	**17**	**25.37**	**7**	**10.45**
3A1	38	14	36.84	5	13.16	2	5.26

3A2	30	16	51.61	6	19.35	4	12.90
Cộng Khối 3	**68**	**30**	**44.12**	**11**	**16.18**	**6**	**8.82**
4A1	39	15	38.46	9	23.08	5	12.82
4A2	39	18	46.15	11	28.21	6	15.38
Cộng Khối 4	**78**	**33**	**42.31**	**20**	**25.64**	**11**	**14.10**
5A1	35	19	54.29	9	25.71	5	14.29
5A2	38	21	55.26	5	13.16	3	7.89
Cộng Khối 5	**73**	**40**	**54.79**	**14**	**19.18**	**8**	**10.96**
Tổng Cộng	**363**	**168**	**46.28**	**79**	**21.76**	**37**	**10.19**

3. Kết quả đánh giá học sinh cuối năm học

	Tổng số học sinh	Lớp 1				Lớp 2				Lớp 3				Lớp 4				Lớp 5			
		Tổng số	Trong tổng số			Tổng số	Trong tổng số			Tổng số	Trong tổng số			Tổng số	Trong tổng số			Tổng số	Trong tổng số		
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc
I. Kết quả học tập																					
1. Tiếng Việt	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Hoàn thành tốt	***286***	63	33	11	4	44	20	9	6	54	28	8	6	61	30	12	8	64	36	11	6
Hoàn thành	***72***	11	4	5	1	21	7	7	1	14	2	2	0	17	3	8	3	9	4	3	2
Chưa hoàn thành	***5***	3	1	1	0	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Toán	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Hoàn thành tốt	***301***	66	32	13	4	49	20	10	5	59	29	9	6	66	29	16	8	61	34	11	6
Hoàn thành	***58***	8	5	3	1	17	7	6	2	9	1	1	0	12	4	4	3	12	6	3	2
Chưa hoàn thành	***4***	3	1	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Khoa học	***151***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	78	33	20	11	73	40	14	8
Hoàn thành tốt	***144***													75	32	19	10	69	39	14	8
Hoàn thành	***7***													3	1	1	1	4	1	0	0
Chưa hoàn thành	***0***													0	0	0	0	0	0	0	0
4. Lịch sử và Địa lí	***151***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	78	33	20	11	73	40	14	8
Hoàn thành tốt	***134***													72	31	16	9	62	35	10	6
Hoàn thành	***17***													6	2	4	2	11	5	4	2
Chưa hoàn thành	***0***													0	0	0	0	0	0	0	0
5. Ngoại ngữ 1	***219***	0	0	0	0	0	0	0	0	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Hoàn thành tốt	***170***									48	24	7	4	63	29	12	7	59	33	10	6
Hoàn thành	***49***									20	6	3	2	15	4	8	4	14	7	4	2
Chưa hoàn thành	***0***									0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6. Đạo đức	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Hoàn thành tốt	***225***	44	23	5	2	41	18	8	5	48	27	8	6	50	27	12	8	42	27	7	5
Hoàn thành	***138***	33	15	12	3	26	9	9	2	20	3	2	0	28	6	8	3	31	13	7	3
Chưa hoàn thành	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7. Tự nhiên và Xã hội	***212***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	0	0	0	0	0	0	0	0
Hoàn thành tốt	***127***	44	23	5	2	40	18	8	5	43	25	7	5								
Hoàn thành	***85***	33	15	12	3	27	9	9	2	25	5	3	1								

Chưa hoàn thành	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0								
8. Âm nhạc	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Hoàn thành tốt	***224***	44	23	5	2	40	18	8	5	44	27	7	6	47	26	7	5	49	32	8	6
Hoàn thành	***139***	33	15	12	3	27	9	9	2	24	3	3	0	31	7	13	6	24	8	6	2
Chưa hoàn thành	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9. Mĩ thuật	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Hoàn thành tốt	***210***	44	23	5	2	40	18	8	5	42	25	7	5	42	22	8	5	42	28	6	4
Hoàn thành	***153***	33	15	12	3	27	9	9	2	26	5	3	1	36	11	12	6	31	12	8	4
Chưa hoàn thành	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Công nghệ	***219***	0	0	0	0	0	0	0	0	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Hoàn thành tốt	***171***									56	29	8	6	57	28	11	7	58	32	8	5
Hoàn thành	***48***									12	1	2	0	21	5	9	4	15	8	6	3
Chưa hoàn thành	***0***									0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tin học	***219***	0	0	0	0	0	0	0	0	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Hoàn thành tốt	***165***									49	25	5	3	63	32	14	10	53	33	9	7
Hoàn thành	***54***									19	5	5	3	15	1	6	1	20	7	5	1
Chưa hoàn thành	***0***									0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12. Giáo dục thể chất	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Hoàn thành tốt	***217***	44	23	5	2	40	18	8	5	42	23	7	5	42	22	8	5	49	29	8	5
Hoàn thành	***146***	33	15	12	3	27	9	9	2	26	7	3	1	36	11	12	6	24	11	6	3
Chưa hoàn thành	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
HĐTN	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Hoàn thành tốt	***240***	44	23	5	2	42	18	8	5	45	26	7	5	50	25	12	7	59	33	10	6
Hoàn thành	***123***	33	15	12	3	25	9	9	2	23	4	3	1	28	8	8	4	14	7	4	2
Chưa hoàn thành	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II. Năng lực cốt lõi																						
1. Tự chủ và tự học	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Tốt	***212***	44	23	5	2	41	18	8	5	38	22	5	3	39	22	8	5	50	28	8	5
Đạt	***146***	30	14	11	3	24	9	8	2	30	8	5	3	39	11	12	6	23	12	6	3
Cần cố gắng	***5***	3	1	1	0	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Giao tiếp và hợp tác	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Tốt	***207***	44	23	5	2	43	19	8	5	35	21	4	3	40	23	7	5	45	27	8	5
Đạt	***152***	30	14	11	3	23	8	8	2	33	9	6	3	38	10	13	6	28	13	6	3
Cần cố gắng	***4***	3	1	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. GQVĐ và sáng tạo	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Tốt	***199***	44	23	5	2	40	18	8	5	35	20	5	3	38	22	7	5	42	25	8	5
Đạt	***159***	30	14	11	3	25	9	8	2	33	10	5	3	40	11	13	6	31	15	6	3
Cần cố gắng	***5***	3	1	1	0	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Ngôn ngữ	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Tốt	***248***	44	23	5	2	41	19	9	6	52	27	8	6	59	28	11	7	52	29	9	5
Đạt	***111***	31	14	12	3	24	8	7	1	16	3	2	0	19	5	9	4	21	11	5	3
Cần cố gắng	***4***	2	1	0	0	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Tính toán	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Tốt	***266***	44	23	5	2	49	20	10	5	58	29	9	6	63	27	14	7	52	29	8	5
Đạt	***93***	30	14	11	3	17	7	6	2	10	1	1	0	15	6	6	4	21	11	6	3
Cần cố gắng	***4***	3	1	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6. Khoa học	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8

Tốt	***258***	44	23	5	2	41	18	8	5	44	24	7	5	75	32	19	10	54	31	9	6
Đạt	***101***	30	14	11	3	25	9	8	2	24	6	3	1	3	1	1	1	19	9	5	2
Cần cố gắng	***4***	3	1	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7. Công nghệ	***219***	0	0	0	0	0	0	0	0	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Tốt	***156***	0	0	0	0	0	0	0	0	48	25	7	5	57	28	11	7	51	27	7	4
Đạt	***63***	0	0	0	0	0	0	0	0	20	5	3	1	21	5	9	4	22	13	7	4
Cần cố gắng	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8. Tin học	***219***	0	0	0	0	0	0	0	0	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Tốt	***150***	0	0	0	0	0	0	0	0	45	24	6	4	62	31	13	9	43	26	7	5
Đạt	***69***	0	0	0	0	0	0	0	0	23	6	4	2	16	2	7	2	30	14	7	3
Cần cố gắng	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9. Thẩm mĩ	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Tốt	***203***	44	23	5	2	40	18	8	5	41	24	4	3	41	21	8	5	37	24	7	5
Đạt	***157***	31	14	12	3	26	9	8	2	27	6	6	3	37	12	12	6	36	16	7	3
Cần cố gắng	***3***	2	1	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10. Thể chất	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Tốt	***215***	44	23	5	2	40	18	8	5	44	24	7	5	42	22	8	5	45	26	7	5
Đạt	***146***	32	14	12	3	26	9	8	2	24	6	3	1	36	11	12	6	28	14	7	3
Cần cố gắng	***2***	1	1	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III. Phẩm chất chủ yếu																					
1. Yêu nước	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Tốt	***225***	44	23	5	2	41	18	8	5	47	27	8	6	48	26	9	6	45	28	7	5
Đạt	***138***	33	15	12	3	26	9	9	2	21	3	2	0	30	7	11	5	28	12	7	3
Cần cố gắng	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Nhân ái	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Tốt	***231***	44	23	5	2	41	18	8	5	53	28	9	6	48	26	9	6	45	28	7	5
Đạt	***132***	33	15	12	3	26	9	9	2	15	2	1	0	30	7	11	5	28	12	7	3
Cần cố gắng	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Chăm chỉ	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Tốt	***226***	44	23	5	2	41	18	8	5	49	28	8	6	48	26	9	6	44	27	7	5
Đạt	***137***	33	15	12	3	26	9	9	2	19	2	2	0	30	7	11	5	29	13	7	3
Cần cố gắng	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Trung thực	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Tốt	***228***	44	23	5	2	41	18	8	5	50	27	9	6	48	26	9	6	45	28	7	5
Đạt	***135***	33	15	12	3	26	9	9	2	18	3	1	0	30	7	11	5	28	12	7	3
Cần cố gắng	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Trách nhiệm	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
Tốt	***224***	44	23	5	2	41	18	8	5	47	26	8	6	48	26	9	6	44	27	7	5
Đạt	***139***	33	15	12	3	26	9	9	2	21	4	2	0	30	7	11	5	29	13	7	3
Cần cố gắng	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV. Đánh giá KQHT	***363***	77	38	17	5	67	27	17	7	68	30	10	6	78	33	20	11	73	40	14	8
- Hoàn thành xuất sắc	***112***	33	16	3	2	29	14	5	3	15	9	1	1	18	8	2	1	17	12	2	1
- Hoàn thành tốt	***70***	11	7	2	0	11	4	3	2	15	9	2	1	16	11	3	2	17	10	4	3
- Hoàn thành	***176***	30	14	11	3	25	9	8	2	38	12	7	4	44	14	15	8	39	18	8	4
- Chưa hoàn thành	***5***	3	1	1	0	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
V. Khen thưởng	***193***	44	23	5	2	40	18	8	5	30	18	3	2	34	19	5	3	45	30	8	5
- Giấy khen cấp trường	***190***	44	23	5	2	40	18	8	5	30	18	3	2	34	19	5	3	42	29	8	5

- Giấy khen cấp trên	*3*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	1	0	0
VI. HSDT được trợ giảng	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
VII. HS.K.Tật không ĐG	***1***	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IIX. HS bỏ học HK	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
+ Hoàn cảnh GĐKK	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
+ KK trong học tập	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
+ Xa trường, đi lại K.khăn	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
+ Thiên tai, dịch bệnh	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
+ Nguyên nhân khác	***0***	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

* Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học năm học 2025-2026: 73/73 tỷ lệ 100%.

4. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh.

- Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh. Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân đã ban hành theo quyết định số 08/QĐ-NVX ngày 2/10/2025, đã công khai trên hệ thống thông tin của đơn vị.

5. Các chương trình hoạt động, hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt tại cơ sở giáo dục đơn vị đã ban hành các chương trình, kế hoạch hoạt động trong năm học 2025-2026.

- Các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp.
- Hoạt động công tác Đội

6. Thực đơn hàng ngày của học sinh ăn bán trú.

Đơn vị đã công khai rõ thực đơn trên bảng tin nhà trường của học sinh theo quy định.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Dịch vụ bán trú năm học 2025-2026: 371.340.000đ

- Thu- chi: Quản lý bán trú và chăm sóc giấc ngủ cho trẻ: 61.890.000đ
- Thu – chi : Tiền suất ăn bán trú: 309.450.000đ
- Tồn 0 đồng.

2. Dịch vụ vệ sinh sân trường và nhà vệ sinh học sinh năm học 2025-2026:

- Thu tiền dịch vụ vệ sinh: 64.440.000đ
- Chi thanh toán dịch vụ vệ sinh: 63.000.000đ
- Tồn: 1.440.000đ (chưa thanh toán tiền mua đồ dùng vệ sinh)

3. Thu - chi ngân sách nhà nước năm 2025:

3.1. Ngân sách nhà nước giao: 5.438.136.000đ, *trong đó*

3.2. Chi ngân sách nhà nước:5.391.222.354.đ

- Chi tiền lương và các khoản theo lương: 4.752.899.000đ
- Tiền thưởng: 232.370.000đ
- Chi phúc lợi tập tập thể: 31.288.000đ
- Chi thanh toán cá nhân: 125.792.354đ
- Chi nghiệp vụ chuyên môn: 74.683.000đ
- Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất: 28.250.000đ
- Chi chế độ chính sách học sinh : 95.326.000đ
- Chi khác: 50.614.000đ

3.3. Tồn năm 2025 chuyển sang năm 2026: 46.913.646

VII. CÔNG KHAI BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1-5 NĂM HỌC: 2026-2027 (Theo Quyết định số 3588/QĐ-BGD ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên sách	Tác giả
LỚP 1		
1.	Tiếng Việt 1, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan
	Tiếng Việt 1, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm
2.	Toán 1, tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh
	Toán 1, tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh
3.	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga
4.	Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tỉnh
5.	Giáo dục thể chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương
6.	Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân
7.	Mĩ thuật 1	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển (Chủ biên), Phạm Duy Anh
8.	Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tụng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu
9.	Tiếng Anh 1	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền,

	Global Success	Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang
LỚP 2		
10.	Tiếng Việt 2, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương (Đồng Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Kim Phượng
	Tiếng Việt 2, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương (Đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Đặng Thị Hảo Tâm
11.	Toán 2, tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
	Toán 2, tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
12.	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai
13.	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tỉnh
14.	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyến, Phạm Mai Vương
15.	Âm nhạc 2	Hoàng Long (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Phương Mai, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân
16.	Mĩ thuật 2	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang, Bùi Quang Tuấn
17.	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thuỷ (đồng Tổng Chủ biên), Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thuỵ Anh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu
18.	Tiếng Anh 2 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Quốc Tuấn
LỚP 3		
19.	Tiếng Việt 3, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng
	Tiếng Việt 3, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị

		Lan, Đặng Thị Hảo Tâm
20.	Toán 3, tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
	Toán 3, tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
21.	Tiếng Anh 3 Global Success, tập một	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn
	Tiếng Anh 3 Global Success, tập hai	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn
22.	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà
23.	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy
24.	Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt
25.	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thuý, Nguyễn Thanh Trịnh
26.	Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương
27.	Âm nhạc 3	Hoàng Long (đồng Tổng Chủ biên), Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật
28.	Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang
29.	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thuỷ (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thuỵ Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh
LỚP 4		
30.	Tiếng Việt 4, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan

	Tiếng Việt 4, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm
31.	Toán 4, tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
	Toán 4, tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
32.	Tiếng Anh 4 Global Success, tập một	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn
	Tiếng Anh 4 Global Success, tập hai	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn
33.	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên) Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung
34.	Lịch sử và Địa lí 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thuỷ (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương
35.	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung
36.	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên) Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng
37.	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo
38.	Giáo dục thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương
39.	Mĩ thuật 4	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang
40.	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga
41.	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thuỷ (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thuỵ Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh

LỚP 5		
42.	Tiếng Việt 5, tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng
	Tiếng Việt 5, tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm
43.	Toán 5, tập một	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
	Toán 5, tập hai	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
44.	Tiếng Anh 5 Global Success, tập một	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn
	Tiếng Anh 5 Global Success, tập hai	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn
45.	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung
46.	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thuỷ (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh
47.	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen
48.	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng
49.	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh
50.	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương
51.	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga
52.	Mĩ thuật 5	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang

53.	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thuỷ (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thuỵ Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Năm học 2025-2026, Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân căn cứ quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng, V/v ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với GD Mầm non, GDPT và GDTX; Thực hiện Công văn số 575/SGDĐT-GDTH ngày 26/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026. Thực hiện Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 03/9/2025 của UBND phường Đông Gia Nghĩa về việc thực hiện Kế hoạch giáo dục tiểu học năm học 2025-2026; và cụ thể hóa thành Kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026, phù hợp với điều kiện thực tế tại nhà trường; Thực hiện hiệu quả công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh ở trường học.

2. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

2.1. Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục Triển khai việc thực hiện KHGD, KHDH môn học, KHBD đến toàn thể GV trường; chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục. 100% tổ chuyên môn xây dựng, triển khai KHGD, KHDH môn học. 100% giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Thực hiện Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD & ĐT về việc ban hành CTGDPT 2018; Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD&ĐT về việc quy định đánh giá, xếp loại học sinh tiểu học; Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ GD & ĐT về việc quy định việc lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT;

- 100% GV được tham gia tập huấn chuyên môn, tập huấn lựa chọn SGK. Kết quả có (100%) học sinh được học tập và tham gia các hoạt động giáo dục, đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo yêu cầu nội dung chương trình.

2.2. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình GDPT 2018.

a) Đối với môn Tiếng Anh

Trường có 02 giáo viên dạy môn Tiếng Anh, trình độ B1 thực hiện dạy Tiếng Anh cho tất cả các lớp học 2 buổi/ ngày (11 lớp từ lớp 1 đến lớp 5).

b) Đối với môn Tin học và việc tổ chức hoạt động giáo dục tin học

- Trường có 01 giáo viên dạy môn được bồi dưỡng chương trình dạy học môn Tin học và Công nghệ, bố trí dạy môn Tin học từ lớp 3 đến lớp 5; có 01 phòng máy với 20 máy vi tính.

- Thời lượng: Học sinh lớp 3, 4,5 học Tin học 1 tiết/tuần theo chương trình GDPT 2018.

3. Công tác triển khai chuyển đổi số, triển khai Học bạ số

a) Đối với việc triển khai chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, điều hành công việc. Ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo, đặc biệt là nâng cao hiệu quả việc sử dụng hộp thư trường. Đẩy mạnh hoạt động, cập nhật thông tin kịp thời, đa dạng, phong phú về nội dung và hình thức thông tin trên hộp thư trường và các hộp thư cá nhân.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về chính quyền số, chuyển đổi số.
- Phát huy vai trò của lãnh đạo nhà trường, công đoàn, đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.
- Thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục; Đẩy mạnh công tác sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Tăng cường ứng dụng chữ ký số.
- Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ tốt công tác quản lý của đơn vị. GV thực hiện các nội dung quản lý, đánh giá học sinh trên CSDL; báo cáo kết quả hoạt động giảng dạy, giáo dục trên hệ thống cơ sở dữ liệu; tham gia sinh hoạt.
- Thực hiện các dịch vụ công phục vụ học sinh, phụ huynh học sinh như khoản thu không sử dụng tiền mặt, sử dụng hóa đơn điện tử.

b) Đối với việc triển khai Học bạ số. Đã thực hiện học bạ số cho 100% giáo viên và đội ngũ thực hiện có hiệu quả tốt.

4. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018.

Nhà trường đã tổ chức triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương, gồm những vấn đề cơ bản, mang tính thời sự về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp của địa phương nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, có trách nhiệm với cộng đồng, biết trân quý và phát huy văn hóa truyền thống quê hương, phát triển năng lực và phẩm chất, ý thức tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa phương. Các nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo tài liệu hướng dẫn và được tích hợp với hoạt động trải nghiệm của trường; Kết quả có 10/10 lớp (100%) được tổ chức tham gia học tập các nội dung giáo dục địa phương, tạo điều kiện để các em được tìm hiểu, trải nghiệm về bản sắc văn hóa và truyền thống địa phương mình, nơi gần gũi với các em. Ngoài các hoạt động dạy học lịch sử địa phương tại lớp học, nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động "về nguồn" nhân ngày Kỷ niệm 22/12.

5. Nâng cao hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá.

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học - Giáo viên tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, quan tâm phát hiện và biết bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu, đồng thời có kế hoạch và biện pháp phụ đạo các học sinh còn hạn chế về học tập.

- 100% giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

- Các tổ chuyên môn xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục; Giáo viên thực hiện soạn bài theo hướng dẫn phụ lục III, công văn 2345/BGD-ĐT.

- Nhà trường đẩy mạnh việc thực hiện quyền tự chủ của giáo viên trong lựa chọn các chủ đề, rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của tùng môn học hoặc liên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ, kết hợp sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; theo dõi ghi nhận sự tiến bộ của học sinh, đưa ra các biện pháp giúp đỡ học sinh còn hạn chế về học tập; đề xuất các biện pháp rèn phẩm chất, năng lực học sinh; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học.

- Phối hợp nhiều phương pháp dạy học nhằm phát huy năng lực học tập của học sinh.

b) Nâng cao hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá:

- Tuyên truyền các văn bản hướng dẫn việc đánh giá học sinh cho giáo viên và cha mẹ học sinh.

- Thực hiện đánh giá theo hướng động viên, khuyến khích, ghi nhận sự tiến bộ hằng ngày của từng học sinh, giúp học sinh cảm thấy tự tin và vui thích với các hoạt động học tập, không so sánh học sinh này với học sinh khác; đồng thời giúp giáo viên hiểu rõ mục đích của việc đánh giá thường xuyên bằng nhận xét là: chủ yếu nhận xét, hướng dẫn trực tiếp để hỗ trợ học sinh vượt qua khó khăn trong các giờ học và hoạt động giáo dục. Các đơn vị thực hiện đánh giá học sinh trên phần mềm CSDL nhằm giảm nhẹ sức lao động của giáo viên.

- Tổ chức xây dựng đề kiểm tra định kì phù hợp với yêu cầu chuẩn kiến thức kĩ năng, nội dung dạy học ở từng giai đoạn học tập của học sinh. Bài kiểm tra kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, nội dung bài kiểm tra kết hợp giữa kiến thức đã học trong nhà trường và những nội dung vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống; theo các mức độ yêu cầu: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao.

- Đảm bảo trong các hoạt động dạy môn học và hoạt động giáo dục đều được đánh giá.

Trên đây là báo cáo thường niên của trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Nơi nhận:
- Trang Website nhà trường;
- Bảng tin trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG ĐỒNG GIA NGHĨA T. LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VIẾT XUÂN

Trần Thị Hải Yến